

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 32/2018/DSPT

Ngày: 02 - 02 - 2018

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DSST ngày 21-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin bị nguyên đơn và bị đơn kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐ-PT ngày 05-01-2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1974.

Trú tại: Phường Thắng L, Tp Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1977.

Trú tại: Tp Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Tấn V, sinh năm 1965.

Trú tại: Xã Dray B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn N, Luật sư văn phòng luật sư Đức H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Ông Nguyễn Khánh L, Luật sư văn phòng luật sư Đức H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tp Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1961.

Trú tại: Xã Ea N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1994.

Trú tại: Tp Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Mai Thị S, sinh năm 1968; ông Lê P, sinh năm 1993.

Cùng trú tại: Xã Dray B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Lê Đức T, sinh năm 1967.

Trú tại: Xã Dray B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Lê Thị Thanh P, sinh năm 1972.

Trú tại: xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1959.

Trú tại: xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Y K Byă, sinh năm 1958.

Trú tại: xã Dray B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Y T Bdap, sinh năm 1935.

Trú tại: xã Dray B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1969.

Trú tại: xã Tân B, huyện Bắc Tân U, tỉnh Bình Dương.

7. Ông Lê Đức V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: xã Phước H, huyện Phù G, tỉnh Bình Dương.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 1985, ông Lê Văn C (là anh trai của bà D) được Công ty ngoại thương cấp cho một số diện tích đất để canh tác. Ngày 14/7/1993 ông C được cấp giấy CNQSD đất số B150005 bao gồm 04 thửa đất, trong đó có thửa đất số 3009, tờ bản đồ số 20, diện tích 11.440m², tọa lạc tại xã H, huyện Krông A (nay là xã Dray B, huyện C). Quá trình sử dụng đất ông C đi làm ăn xa nên nhờ ông Lê Văn H (là bố đẻ ông C, bà D) quản lý, sử dụng (không chuyển nhượng cho ông H). Trong thời gian đó, ông C đã chuyển nhượng một phần diện tích đất nên đến ngày 10/10/1998, ông C được UBND huyện Krông A cấp GCNQSD đất mới số M836266 đối với thửa đất số 3009 nói trên, và năm 2000 ông C đã chuyển nhượng thửa đất này cho bà D bằng giấy viết tay, đồng thời giao lại giấy CNQSD đất cấp năm 1998 cho bà D nhưng bà D chưa làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này. Sau khi nhận sang nhượng đất của ông C, bà D đã cho ông Lê Tấn V, ông Lê Đức Th và bà Lê Thị Thanh P mượn lại đất để canh tác, trong đó ông Lê Tấn V mượn 4.494m².

Đến năm 2009, UBND huyện C ra quyết định thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSD đất cấp năm 1993 cho ông C với lý do cấp không đúng trình tự quy định. Đến năm 2016, bà D mới tiến hành làm các thủ tục để được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này, đồng thời đã nộp lại giấy CNQSD đất số M836266 do UBND huyện Krông A cấp cho ông Lê Văn C cho phòng tài nguyên và môi trường huyện. Ngày 30/6/2016, bà D đã nộp tiền điều tiết đất với số tiền là 24.950.000đ. Ngày 12/9/2016, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3113/QĐ-UBND giao thửa đất trên cho bà D sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ngày 25/10/2016, bà D được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này.

Cuối năm 2016 do có nhu cầu sử dụng đất nên bà D đã yêu cầu ông V, ông Th, bà P trả lại diện tích đất mượn. Ông Th và bà P đồng ý trả lại diện tích đất mượn cho bà D, còn ông V không đồng ý trả lại. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả lại diện tích đất mượn là 4.494m².

Căn cứ vào kết quả đo đạc kỹ thuật của Công ty TNHH đo đạc tư vấn nông lâm nghiệp Đắc Lắc, ngày 14/6/2017 bà D có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông V trả lại diện tích đất mượn là 2.851m² và bà D đồng ý thanh toán một phần giá trị tài sản trên đất với số tiền 50.000.000đ.

Bị đơn ông Lê Tấn V trình bày:

Thửa đất số 3009, tờ bản đồ số 20, diện tích 11.440m² có nguồn gốc thực tế của ông Lê Văn C được Công ty ngoại thương giao cho canh tác và sử dụng. Đến năm 1994, ông C chuyển nhượng lại cho ông H thửa đất này, các bên đã lập giấy sang nhượng có xác nhận của UBND xã H, huyện Krông A (nay là xã Dray B, huyện C) vào năm 1996. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông C, ông H đã canh tác và sử dụng. Hàng năm ông H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế với Nhà nước.

Đến năm 2003, do tuổi cao, sức yếu nên ông H đã chia diện tích đất này cho các con gồm: Ông Th sử dụng 0,3ha, bà L sử dụng 0,2ha, bà P sử dụng 0,2ha, bà D sử dụng 0,2ha, ông V sử dụng 0,1ha. Khi chia đất cho các con thì ông H không nói rõ nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng hay được hợp tác xã cấp, ông H cũng không lập di chúc hay văn bản gì, chỉ thỏa thuận miệng với nhau nên ông V không có tài liệu hay chứng cứ gì nộp cho Tòa án. Tại thời điểm đó bà D không có nhu cầu sử dụng và bà D đã cho cháu Lê P (là con ông V) nhưng cháu P còn nhỏ nên ông V đã nhận sử dụng cho đến ngày nay. Quá trình sử dụng đất ông V đã tạo dựng tài sản và trồng cây trên đất nhưng chưa kê khai quyền sử dụng đất với cơ quan chức năng.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích 2.851m² thì ông V đồng ý trả với điều kiện bà D phải thanh toán giá trị tài sản và cây trồng trên đất là 260.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C là bà Lê Thị Thanh H trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng.

Năm 2016, bà D làm thủ tục xin cấp giấy CNQSD đất và nộp giấy CNQSD đất cấp năm 1998 mang tên ông C cho phòng tài nguyên và môi trường huyện C là đúng quy định pháp luật. Do đó, UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất này cho bà D là đúng ông C không có ý kiến gì.

Bà Mai Thị S trình bày: Việc ông H chia đất cho các con như lời trình bày của ông V là đúng. Vì bà D đã cho đất nên gia đình bà S mới đầu tư làm cho đến bây giờ. Nếu bà D thanh toán giá trị cây trồng trên đất là 260.000.000đ cho ông V thì gia đình ông V sẽ đồng ý trả lại đất cho bà D.

Anh Lê P trình bày: Về nguồn gốc thửa đất số 3009, tờ bản đồ số 20 như ông V trình bày là đúng. Khi ông H chia đất cho các con không lập giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Thời điểm đó bà D có cho anh P 02 sào nhưng do anh P còn nhỏ nên để bố mẹ làm. Nếu bà D bồi thường cho ông V và bà S 260.000.000đ giá trị tài sản và cây trồng trên đất thì sẽ đồng ý trả lại đất.

Người làm chứng:

Tại bản tự khai ông Lê Đức Th và bà Lê Thị Thanh P trình bày:

Ông Th, bà P, ông V và bà D đều là con của ông Lê Văn H.

Khoảng năm 2000 bà D nhận chuyển nhượng lại diện tích 11.440m² thuộc thửa số 3009, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã H, huyện Krông A (nay là huyện C). Việc chuyển nhượng đất này ông Th, bà P không chứng kiến mà chỉ nghe nói lại. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà D ở xa chưa có nhu cầu sử dụng đất đó nên đã cho ông Th, bà P, ông V mượn để canh tác mà không lấy tiền thuê hay lấy sản lượng, khi cho mượn trên đất đã trồng cà phê. Ông Th mượn sử dụng 09 hàng ngang và 37 hàng dọc cây cà phê, diện tích khoảng 3.000m², bà P sử dụng 20 hàng ngang 20 hàng dọc cây cà phê, diện tích khoảng 4.000m², ông V sử dụng phần còn lại, cụ thể bao nhiêu ông Th, bà P không biết và giữa các bên không lập giấy tờ gì.

Cuối năm 2016, bà D về thông báo với ông Th, bà P về việc sẽ lấy lại đất thì ông Th, bà P đồng ý trả lại. Việc bà D yêu cầu ông V trả lại đất không liên quan đến phần đất của ông Th, bà P mượn sử dụng nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc ông V cho rằng tổng diện tích này là của ông H nhận chuyển nhượng của ông C, đến năm 2003 ông H chia cho các con là không đúng sự thật.

Tại bản tự khai bà Lê Thị Kim T trình bày: Bà T, ông C, ông V, bà D đều là con của ông H. Trước đây, ông C có hơn 02 ha cà phê tại xã H và đã sang nhượng lại cho bà T hơn 01 ha. Thời điểm sang nhượng bà T không nhớ, chỉ biết là khi đó ông C đã

được cấp giấy CNQSD đất. Hiện nay, bà T đã sang nhượng diện tích đất này cho người khác. Đối với phần diện tích đất còn lại, ông C sang nhượng cho ai bà T không biết.

Ông Y T Bđap trình bày: Từ năm 1980 đến năm 2004, ông Y T làm chủ nhiệm Hợp tác xã H II. Vào ngày 26/01/1994, ông Y T thay mặt cho Ban quản trị Hợp tác xã chứng nhận việc sang nhượng đất hoa màu cà phê là 01 ha tại vùng II của ông Lê Văn C cho ông Lê Văn H. Vào thời điểm này ông C chưa được cấp giấy CNQSD đất. Việc các bên giao đất khi nào và sử dụng đất ra sao hợp tác xã không nắm được. Việc sang nhượng diện tích đất trên của ông C cho bà D như thế nào Hợp tác xã không biết.

Ông Y K Byã trình bày: Năm 1993 ông C được công nhận QSD đất đối với thửa 3009, tờ bản đồ số 20 nay thuộc xã Dray B, diện tích là 11.440m². Đến năm 1994, ông C Sang nhượng diện tích đất nói trên cho ông H và có giấy viết tay được UBND xã xác nhận ngày 09/11/1996 nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và một phần đơn bổ sung nội dung khởi kiện của nguyên đơn - Bà Lê Thị Kim D.

Buộc ông Lê Tấn V có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Kim D diện tích đất 2.851m² (thuộc thửa đất số 3009, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Dray B, huyện C, được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất số CD 465632 ngày 25/10/2016 cho bà Lê Thị Kim D), có tứ cận:

- Phía Bắc giáp thửa đất số 2944 cạnh dài 61,16m;
- Phía Nam giáp phần đất bà P quản lý (thuộc thửa đất số 3009), cạnh dài 59,96m;
- Phía Đông giáp đường, cạnh dài 46,72m;
- Phía Tây giáp phần đất ông Th quản lý (thuộc thửa đất số 3009) cạnh dài 47,46m.

Bà D được quyền sở hữu các tài sản, cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 01/8/2017 (gồm: 377 cây tiêu trồng năm 2009, 01 cây tiêu trồng năm 2017, 05 cây gòn trồng năm 2013, 94 cây muồng đen làm trụ tiêu trồng năm 2009, 05 cây keo

làm trụ tiêu trồng năm 2009, 274 cây lồng mức làm trụ tiêu trồng năm 2009; Hàng rào kẽm gai đan lưới ông vuông, trụ bê tông cốt thép và chân móng rào chắn nước).

2. Bà Lê Thị Kim D có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị tài sản, cây trồng trên đất và công sức đóng góp tương ứng với số tiền 173.203.893đ cho ông Lê Tấn V.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 02/10/2017, nguyên đơn bà Lê Thị Kim D kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền bồi thường giá trị tài sản trên diện tích đất tranh chấp cho ông Lê Tấn V.

Ngày 05/10/2017, bị đơn ông Lê Tấn V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết lại.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm và phần xét hỏi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tuy nhiên, tại phần tranh luận, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim D và bị đơn ông Lê Tấn V, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phần tranh luận, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh B và bị đơn ông Lê Tấn V đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

Ông Lê Tấn V đồng ý trả lại cho bà Lê Thị Kim D diện tích đất 2.851m² (thuộc thửa đất số 3009, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Dray B, huyện C, được UBND huyện

C cấp giấy CNQSD đất số CD 465632 ngày 25/10/2016 cho bà Lê Thị Kim D), có tứ cận:

Phía Bắc giáp thửa đất số 2944 cạnh dài 61,16m;

Phía Nam giáp phần đất bà P quản lý (thuộc thửa đất số 3009), cạnh dài 59,96m;

Phía Đông giáp đường, cạnh dài 46,72m;

Phía Tây giáp phần đất ông Th quản lý (thuộc thửa đất số 3009) cạnh dài 47,46m.

Bà D được quyền sở hữu các tài sản, cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 01/8/2017 (gồm: 377 cây tiêu trồng năm 2009, 01 cây tiêu trồng năm 2017, 05 cây gòn trồng năm 2013, 94 cây muồng đen làm trụ tiêu trồng năm 2009, 05 cây keo làm trụ tiêu trồng năm 2009, 274 cây lồng mức làm trụ tiêu trồng năm 2009; Hàng rào kẽm gai đan lưới ông vuông, trụ bê tông cốt thép và chân móng rào chắn nước).

Bà Lê Thị Kim D đồng ý sẽ thanh toán cho ông Lê Tấn V giá trị tài sản trên đất là 213.203.893 đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người khác nên cần chấp nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim D và bị đơn ông Lê Tấn V và chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên.

[2] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tấn V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Kim D phải chịu 10.660.194đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức 213.203.893đ x 5%). Do bà D có hoàn cảnh khó khăn và có làm đơn xin miễn giảm án phí được Ủy ban nhân dân phường Thắng L xác nhận nên cần xem xét giảm cho bà D ½ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp. Vậy, bà D còn phải chịu 5.330.097đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên nguyên đơn bà Lê Thị Kim D và bị đơn ông Lê Tấn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Kim D và bị đơn ông Lê Tấn V.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ông Lê Tấn V có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị Kim D diện tích đất 2.851m² (thuộc thửa đất số 3009, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã Dray B, huyện C, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 465632 ngày 25/10/2016 cho bà Lê Thị Kim D), có tứ cận:

Phía Bắc giáp thửa đất số 2944 cạnh dài 61,16m;

Phía Nam giáp phần đất bà P quản lý (thuộc thửa đất số 3009), cạnh dài 59,96m;

Phía Đông giáp đường, cạnh dài 46,72m;

Phía Tây giáp phần đất ông Th quản lý (thuộc thửa đất số 3009) cạnh dài 47,46m.

Bà Lê Thị Kim D được quyền sở hữu các tài sản, cây trồng trên đất theo biên bản định giá ngày 01/8/2017 (gồm: 377 cây tiêu trồng năm 2009, 01 cây tiêu trồng năm 2017, 05 cây gòn trồng năm 2013, 94 cây muồng đen làm trụ tiêu trồng năm 2009, 05 cây keo làm trụ tiêu trồng năm 2009, 274 cây lồng mức làm trụ tiêu trồng năm 2009; Hàng rào kẽm gai đan lưới ông vuông, trụ bê tông cốt thép và chân móng rào chắn nước).

Bà Lê Thị Kim D có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Lê Tấn V giá trị tài sản trên đất là 213.203.893đ (Hai trăm mười ba triệu hai trăm lẻ ba ngàn tám trăm chín mươi ba đồng).

[2] Về chi phí tố tụng:

Ông Lê Tấn V phải chịu 4.938.000đ tiền chi phí đo vẽ kỹ thuật và 1.500.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bà Lê Thị Kim D được nhận lại số tiền 4.938.000đ tạm ứng chi phí đo vẽ kỹ thuật và 1.500.000đ tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sau khi thu được của ông V.

[3] Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tấn V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Kim D phải chịu 5.330.097đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền 200.000đ và 1.250.000đ đã nộp (do bà Nguyễn Thị Thanh B nộp thay) tại các biên lai thu tiền số 0043509 ngày 08/2/2017 và số 0000052 ngày 03/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

+ Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị Kim D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà D đã nộp theo biên lai thu số 0001203 ngày 12/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên. Như vậy, bà Lê Thị Kim D còn phải nộp 3.580.097 đồng (Ba triệu năm trăm tám mươi ngàn không trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Tấn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông V đã nộp theo biên lai thu số 0000148 ngày 11/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm nêu trên. Như vậy, ông Lê Tấn V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức